

Số: /TB-TP

Cử Chi, ngày tháng năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc triển khai Hội thi trực tuyến
“Xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 4812/KH-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc tổ chức Hội thi trực tuyến “Xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật”;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Phòng Tư pháp huyện thông báo triển khai Hội thi trực tuyến “Xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” năm 2024, cụ thể như sau:

1. Đối tượng dự thi

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, Báo cáo viên pháp luật huyện, Tuyên truyền viên pháp luật các xã, thị trấn, cán bộ ấp, khu phố và Nhân dân trên địa bàn huyện.

2. Thời gian: Từ 08 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút, ngày 20/9/2024.

3. Thể lệ Hội thi

- Hội thi được tiến hành theo hình thức thi trắc nghiệm trực tuyến trên nền tảng Myaloha. Thí sinh tham gia dự thi theo một trong các phương thức sau:

(1) Truy cập vào đường dẫn: <https://myaloha.vn/cuoc-thi/xay-dung-xa-thi-tran-dat-chuan-tiep-can-phap-luat-nam-2024-89576>

(2) Quét mã QR:



- Thí sinh đăng nhập bằng các thiết bị có kết nối Internet và điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Ban Tổ chức. *(Ban Tổ chức Hội thi không chịu trách nhiệm và không tính kết quả của thí sinh khi có trục trặc về kết nối mạng, sai thông tin hoặc điền thông tin không đầy đủ theo yêu cầu).*

- Mỗi thí sinh chỉ được tham gia dự thi 01 lượt.

- Hội thi có **30** câu hỏi trắc nghiệm, tổng thời gian thực hiện bài thi là **20** phút, mỗi câu trả lời đúng được **01** điểm.

- Khi thời gian kết thúc, hệ thống tự động ghi nhận số điểm của thí sinh. Trong trường hợp các thí sinh có số điểm bằng nhau thì kết quả dự thi sẽ được xét trên thời gian thực hiện bài thi.

- Dựa trên kết quả thi, Ban Tổ chức chọn ra **18** thí sinh có thành tích cao nhất để trao giải cá nhân và **05** đơn vị có số lượng thí sinh tham gia thi đạt giải nhiều nhất. *(Trong trường hợp các đơn vị có số lượng thí sinh tham gia thi đạt giải bằng nhau thì kết quả được xét trên yếu tố thứ hạng đạt giải cá nhân của các thí sinh thuộc đơn vị).*

- Thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, cán bộ, công chức liên quan đến việc soạn thảo đề thi không được tham gia Hội thi.

4. Cơ cấu giải thưởng

4.1. Đối với cá nhân

- 03 giải nhất: Gồm giấy khen và tiền thưởng trị giá 710.000 đồng/giải.

- 05 giải nhì: Gồm giấy khen và tiền thưởng trị giá 600.000 đồng/giải.

- 10 giải ba: Gồm giấy khen và tiền thưởng trị giá 500.000 đồng/giải.

4.2. Đối với tập thể

- 05 giải tập thể: Gồm giấy khen và tiền thưởng trị giá 1.410.000 đồng/giải.

5. Tài liệu tham khảo

- Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “Tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị thông minh.

- Bộ 50 câu hỏi trắc nghiệm có kèm đáp án do Phòng Tư pháp huyện biên soạn đính kèm Thông báo này.

Trên đây là thông báo về việc triển khai Hội thi trực tuyến “Xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” năm 2024 trên địa bàn huyện Củ Chi./.

Nơi nhận:

- Thường trực UBND huyện (để b/c);
- Ban Tổ chức Hội thi;
- Ban Giám khảo Hội thi;
- UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể huyện, xã, thị trấn;
- Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
- Công an huyện;
- BCH Quân sự huyện;
- Hội Luật gia huyện;
- Hội Doanh nghiệp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.TTTLinh.

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Hoàng Trung Dũng

BỘ CÂU HỎI HỘI THI TRỰC TUYẾN
“Xây dựng xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” năm 2024
(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-TP
ngày tháng năm 2024 của Phòng Tư pháp huyện)

Câu 1: Đáp án nào sau đây là nguyên tắc thực hiện quy định về xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật?

- A. Lấy người dân làm trung tâm trong việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
- B. Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan, công bằng, đúng quy định pháp luật.
- C. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường dân chủ ở cơ sở, vận động Nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

D. Cả 3 câu a, b, c đều đúng.

Đáp án: D (Điều 2, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 2: Theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, có bao nhiêu tiêu chí đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật?

- A. 03 tiêu chí
- B. 04 tiêu chí
- C. 05 tiêu chí**
- D. 06 tiêu chí

Đáp án: C (Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 3: Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Tiêu chí 1 về đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định đánh giá về nội dung nào sau đây?

- A. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

B. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn

C. Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý

D. Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Đáp án: B (Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 4: Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Tiêu chí 2 về đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định đánh giá về nội dung nào sau đây?

A. Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật.

B. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn.

C. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

D. Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý

Đáp án: A (Khoản 2, Điều 3, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 5: Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Tiêu chí 3 quy định đánh giá về nội dung nào sau đây?

A. Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật

B. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn

C. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

D. Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý

Đáp án: D (Khoản 3, Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 6: Tiêu chí 4 về đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định đánh giá về nội dung nào sau đây?

A. Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý

B. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn

C. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

D. Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật

Đáp án: C (Theo Khoản 4, Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 7: Tiêu chí 5 về đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định đánh giá về nội dung nào sau đây?

- A. Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội**
- B. Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật.
- C. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn.
- D. Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Đáp án: A (Theo Khoản 5, Điều 3, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 8: Theo Anh/Chị, xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ các điều kiện nào sau đây?

- A. Tổng số điểm của các tiêu chí đạt từ 80 điểm trở lên
- B. Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên
- C. Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự

D. Cả 03 câu a, b và c

Đáp án: D (Điều 4, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 9: Việc đánh giá, công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hàng năm và tính từ ngày, tháng nào đến ngày, tháng nào của năm đánh giá?

- A. Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 8 của năm đánh giá
- B. Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 9 của năm đánh giá
- C. Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 11 của năm đánh giá
- D. Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá**

Đáp án: D (Điều 5, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 10: Theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã tự chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu; niêm yết công khai kết quả tự chấm điểm, đánh giá; gửi hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trước ngày nào sau đây?

- A. Trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá**
- B. Trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá
- C. Trước ngày 31 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá
- D. Trước ngày 30 tháng 12 của năm đánh giá

Đáp án: A (Điều 5, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 11: Theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tổng số điểm các tiêu chí, chỉ tiêu làm căn cứ xem xét, quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được xác định theo điểm số thẩm định của đơn vị nào?

- A. Hội đồng thi đua, khen thưởng
- B. Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật
- C. Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật**
- D. Phòng Tư pháp huyện

Đáp án: C (Khoản 2 Điều 2, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 12: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu được niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian bao nhiêu ngày?

- A. 03 (ba) ngày
- B. 05 (năm) ngày**
- C. 07 (bảy) ngày
- D. 10 (mười) ngày

Đáp án: B (Điểm c, Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 13: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ kết quả cuộc họp, nếu xã, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân xã, thị trấn gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) đến cơ quan, đơn vị nào?

- A. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện
- B. Phòng Tư pháp huyện**

C. Phòng Nội vụ huyện

D. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

Đáp án: B (điểm e, Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 14: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, trường hợp Phòng Tư pháp tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, thị trấn có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì Ủy ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chậm nhất trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu?

A. 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu

B. 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu

C. 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu

D. 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu

Đáp án: B (điểm a, Khoản 2, Điều 3, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 15: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và công bố kết quả xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trước ngày nào sau đây?

A. Trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá

B. Trước ngày 31 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá

C. Trước ngày 31 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá

D. Trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá

Đáp án: D (điểm d Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 16: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, việc công bố kết quả xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện trong thời hạn bao nhiêu ngày?

A. Không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

B. Không quá 02 (hai) ngày kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

C. Không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

D. Không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Đáp án: C (điểm d, Khoản 2, Điều 3, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 17: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện gồm những biểu mẫu nào sau đây?

A. Báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

B. Báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.

C. Báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở; Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

D. Báo cáo đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở.

Đáp án: D (Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 18: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, các biểu mẫu phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện gồm?

A. Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội

đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định; Quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

B. Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định; Quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

C. Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định; Quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

D. Biên bản cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp ý kiến thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu do Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thẩm định; Phiếu lấy ý kiến, bản tổng hợp kết quả đánh giá về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở; Quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đáp án: B (Khoản 2, Điều 4, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 19: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, các biểu mẫu phục vụ báo cáo, theo dõi, quản lý xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) thực hiện bao gồm?

A. Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn; Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

B. Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn; Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

C. Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn; Quyết định công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

D. Bản Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Đáp án: A (Khoản 3, Điều 4, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 20: Theo quy định của Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, số lượng thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật là bao nhiêu người?

A. Số lượng thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nhưng không quá 08 người.

B. Số lượng thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nhưng không quá 10 người.

C. Số lượng thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nhưng không quá 15 người.

D. Số lượng thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nhưng không quá 25 người.

Đáp án: C (Khoản 3, Điều 5, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 21: Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào?

A. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022

B. Từ ngày 02 tháng 01 năm 2022

C. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2022

D. Từ ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đáp án: A (Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 22: Theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện bao nhiêu nhiệm vụ?

A. 03 nhiệm vụ

B. 04 nhiệm vụ

C. 05 nhiệm vụ

D. Cả 03 câu đều sai

Đáp án: B (Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 23: Theo Tiêu chí 16 về “*Tiếp cận pháp luật*” thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025, nội dung tiêu chí “*Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành*” là bao nhiêu?

A. $\geq 70\%$

B. $\geq 80\%$

C. $\geq 90\%$

D. 100%

Đáp án: C (Mục I, Phụ lục II, Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh).

Câu 24: Theo Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ nào sau đây?

A. (i) Đề nghị thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; (ii) Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin giữa thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; (iii) Tiếp thu, hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; (iv) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu.

B. (i) Đề nghị thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; (ii) Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin giữa thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; (iii) Chuẩn bị tài liệu, nội dung cuộc họp Hội đồng và gửi các thành viên Hội đồng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp; (iv) Tiếp thu, hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; (v) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu; (vi) Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn, thẩm định của Hội đồng theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ.

C. (i) Đề nghị thành lập, kiện toàn Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; (ii) Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin giữa thành viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; (iii) Chuẩn bị tài liệu, nội dung cuộc họp Hội đồng và gửi các thành viên Hội đồng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp; (iv) Tiếp thu, hoàn thiện các tài liệu trong hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; (v) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền các giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu.

D. Cả 03 câu trên đều sai

Đáp án: B (Khoản 6, Điều 5 Thông tư 09/TT-BTP).

Câu 25: Theo Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xã được xác định là có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật khi đáp ứng các yêu cầu nào?

A. (i) Các chỉ tiêu 3, 4, 5 thuộc Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối đa; (ii) Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

B. (i) Các chỉ tiêu 3, 4, 5 và 6 thuộc Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối đa; (ii) Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

C. (i) Các chỉ tiêu 3, 4, 5 và 6 thuộc Tiêu chí 2 “Tiếp cận thông tin, phổ biến giáo dục pháp luật” theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối đa; (ii) Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; (iii) Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

D. Các câu trên đều sai.

Đáp án: C (Mục I, Phụ lục II, Quyết định số 1143/QĐ-BTP)

Câu 26: Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ đánh giá Chỉ tiêu 9.5 “*Phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*” thuộc Tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh và Chỉ tiêu 9.4 “*Quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” thuộc Tiêu chí quận, thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh thực hiện theo Quyết định nào?

A. Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh

B. Quyết định số 1723/2022/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh

C. Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh

D. Câu a, b, c đều sai

Đáp án: A (Khoản 2, Điều 2, Quyết định số 1143/QĐ-BTP)

Câu 27: Theo Anh/Chị, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật tư vấn, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nào sau đây:

A. Thẩm định, đánh giá hồ sơ, kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

B. Tư vấn các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

C. Thẩm định, đánh giá hồ sơ, kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu và điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Tư vấn các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả, xử lý hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

D. Cả 03 nội dung đáp án a, b, c.

Đáp án: D (Khoản 1, Điều 5, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 28: Chỉ tiêu Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở để huyện đạt chỉ tiêu 9.6 “Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định” khi đáp ứng bao nhiêu tiêu chuẩn?

A. 02 tiêu chuẩn

B. 03 tiêu chuẩn

C. 04 tiêu chuẩn

D. 05 tiêu chuẩn

Đáp án: D (Mục I, Phụ lục III, Quyết định số 1143/QĐ-BTP).

Câu 29: Theo Anh/Chị, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật bao gồm các thành phần nào sau đây:

A. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Phòng Tư pháp; mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Ủy viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện lãnh đạo Công an cấp huyện; mời đại diện lãnh đạo Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo cấp huyện tham

gia Hội đồng; Thư ký Hội đồng: Công chức Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND huyện.

B. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; **Phó Chủ tịch Hội đồng:** Trưởng Phòng Tư pháp; mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện làm Phó Chủ tịch Hội đồng; **Ủy viên Hội đồng:** Đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện lãnh đạo Công an cấp huyện; mời đại diện lãnh đạo Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo cấp huyện tham gia Hội đồng; d) **Thư ký Hội đồng:** Công chức Phòng Tư pháp.

C. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; **Phó Chủ tịch Hội đồng:** Trưởng Phòng Tư pháp; **Ủy viên Hội đồng:** Đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện lãnh đạo Công an cấp huyện; mời đại diện lãnh đạo Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo cấp huyện tham gia Hội đồng; d) **Thư ký Hội đồng:** Công chức Phòng Tư pháp.

D. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; **Phó Chủ tịch Hội đồng:** Trưởng Phòng Tư pháp; **Ủy viên Hội đồng:** Đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; đại diện lãnh đạo Công an cấp huyện; mời đại diện lãnh đạo Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo cấp huyện tham gia Hội đồng; d) **Thư ký Hội đồng:** Công chức Phòng Tư pháp.

Đáp án: B (Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 30: Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “Tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh có hiệu lực thi hành kể từ ngày, tháng, năm nào?

A. Ngày 20/6/2024.

B. Ngày 30/6/2024.

C. Ngày 20/7/2024

D. Ngày 26/6/2024.

Đáp án: A (Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1143/QĐ-BTP).

Câu 31: Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định có hiệu lực thi hành kể từ ngày, tháng, năm nào?

A. Ngày 01 tháng 07 năm 2021

B. Ngày 31 tháng 12 năm 2022

C. Ngày 01 tháng 01 năm 2022

D. Ngày 01 tháng 07 năm 2022

Đáp án: C (Khoản 1, Điều 8 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 32: Huyện đạt chỉ tiêu 9.6 “Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 khi đáp ứng các nội dung chỉ tiêu nào sau đây?

A. Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn; Tiếp cận thông tin; Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; Trợ giúp pháp lý

B. Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và đảm bảo thi hành pháp luật trên địa bàn; Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý.

C. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; Tỷ lệ mâu thuẫn tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành $\geq 90\%$; Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.

D. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; Tiếp cận thông tin Hòa giải ở cơ sở.

Đáp án: A (Phụ lục III, Quyết định số 1143/QĐ-BTP).

Câu 33: Theo Quyết định số 1143/QĐ-BTP ngày 20/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu “Tiếp cận pháp luật” trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh, xã được xác định là có mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở khi đáp ứng các tiêu chuẩn nào sau đây?

A. (i) Chỉ tiêu 2 thuộc Tiêu chí 3 “Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý” theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối đa; (ii) Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở; (iii) Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác hòa giải ở cơ sở.

B. (i) Chỉ tiêu 3 “Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý” theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối thiểu là 50; (ii) Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở; (iii) Trong 03 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng

Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác hòa giải ở cơ sở.

C. (i) Tiêu chí 3 “Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý” theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đạt số điểm tối đa; (ii) Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở.

D. Cả 3 câu trên đều sai

Đáp án: A (Phụ lục II, Quyết định số 1143/QĐ-BTP)

Câu 34: Tiêu chuẩn để huyện đạt chỉ tiêu 9.6 “*Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 với chỉ tiêu “*Tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được ban hành đúng quy định pháp luật*” là bao nhiêu?

A. 70%

B. 80%

C. 90%

D. 100%

Đáp án: D (Theo Mục I, Phụ lục III, Quyết định số 1143/QĐ-BTP).

Câu 35: Theo Anh/Chị, quy định về tiêu chí thực hiện dân chủ ở xã, thị trấn bao gồm bao nhiêu chỉ tiêu?

A. 4 chỉ tiêu

B. 7 chỉ tiêu

C. 5 chỉ tiêu

D. 8 chỉ tiêu

Đáp án: C (Khoản 4, Điều 3, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg)

Câu 36: Tiêu chuẩn để xã đạt Tiêu chí 16 “*Tiếp cận pháp luật*” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 với tiêu chí “*Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt chuẩn*” là bao nhiêu phần trăm?

A. $\geq 60\%$

B. $\geq 70\%$

C. $\geq 80\%$

D. $\geq 90\%$

Đáp án: D (Mục I, Phụ lục II, Quyết định số 1143/QĐ-BTP).

Câu 37: Tiêu chuẩn để huyện đạt Chỉ tiêu 9.6 “*Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 với Chỉ tiêu “*Tỷ lệ văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân do chính quyền cấp huyện ban hành bảo đảm đúng quy định pháp luật*” là bao nhiêu phần trăm?

A. $\geq 60\%$

B. $\geq 70\%$

C. $\geq 80\%$

D. $\geq 90\%$

Đáp án: C (Mục I, Phụ lục III, Quyết định số 1143/QĐ-BTP)

Câu 38: Theo Anh/Chị, quy định tiêu chí về ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn bao gồm các chỉ tiêu nào sau đây?

A. Chỉ tiêu 1: Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật về các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao

B. Chỉ tiêu 1: Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến giáo dục pháp luật

C. Chỉ tiêu 2: Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân

D. Câu A và câu C

Đáp án: D (Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg)

Câu 39: Theo Anh/Chị, có bao nhiêu chỉ tiêu để đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật?

A. 15 chỉ tiêu

B. 10 chỉ tiêu

C. 20 chỉ tiêu

D. 30 chỉ tiêu

Đáp án: C (Điều 3, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg)

Câu 40: Theo quy định về đánh giá xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì tổng số điểm tối đa của các tiêu chí xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là:

A. 80 điểm

B. 100 điểm

C. 50 điểm

D. 90 điểm

Đáp án: B (Khoản 6 Điều 3 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 41: Theo Anh/Chị, việc công bố xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của cấp huyện được quy định vào thời gian nào?

- A. Trước ngày 15 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá
- B. Trước ngày 10 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá**
- C. Trước ngày 25 tháng 02 của năm liền kề sau năm đánh giá
- D. Trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá

Đáp án B (Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg).

Câu 42: Theo Anh/Chị, việc xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu; thông tin, số liệu của Báo cáo đánh giá và Bản tổng hợp điểm số được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, đối với Chỉ tiêu 4 của Tiêu chí 5 thì sử dụng kết quả công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ nào sau đây?

- A. Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
- B. Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an**
- C. Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Đáp án B (Điểm b, Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 43: Căn cứ kết quả cuộc họp, nếu xã, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 4 Điều 5 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (bằng bản giấy hoặc bản điện tử) đến Phòng Tư pháp huyện trước ngày, tháng nào sau đây?

- A. Trước ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá
- B. Trước ngày 05 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá
- C. Trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá**
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Đáp án C (Điểm e, Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Câu 44: Phòng Tư pháp huyện tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, thị trấn; yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có).

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chậm nhất trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc?

- A. 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu
- B. 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu
- C. 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Đáp án A (Điểm a, Khoản 2, Điều 3, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 45: Việc chuẩn bị tài liệu, nội dung cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật và gửi các thành viên Hội đồng chậm nhất là bao nhiêu ngày làm việc?

- A. 10 (mười) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp
- B. 05 (năm) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp
- C. 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Đáp án C (điểm c, Khoản 6, Điều 5, Thông tư số 09/2021/TT-BTP)

Câu 46: Cuộc họp Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật được tiến hành khi có ít nhất bao nhiêu thành viên tham dự trong tổng số thành viên?

A. 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên tham dự. Tại cuộc họp, thành viên Hội đồng tư vấn, thẩm định, thông qua các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của người chủ trì cuộc họp Hội đồng và Thư ký Hội đồng

B. 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên tham dự. Tại cuộc họp, thành viên Hội đồng tư vấn, thẩm định, thông qua các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của người chủ trì cuộc họp Hội đồng và Thư ký Hội đồng

C. 3/3 (ba phần ba) tổng số thành viên tham dự. Tại cuộc họp, thành viên Hội đồng tư vấn, thẩm định, thông qua các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của người chủ trì cuộc họp Hội đồng và Thư ký Hội đồng.

- D. Cả 3 đáp án trên đều sai

Đáp án B (Khoản 5, Điều 5, Thông tư số 09/2021/TT-BTP).

Câu 47: Theo Anh/Chị, quy định tiêu chí về tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm bao nhiêu chỉ tiêu?

- A. 03 chỉ tiêu
- B. 04 chỉ tiêu
- C. 05 chỉ tiêu
- D. 06 chỉ tiêu**

Đáp án D (Khoản 2 Điều 3, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg)

Câu 48: Theo Anh/Chị, quy định về tiêu chí về hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý bao gồm các chỉ tiêu nào sau đây?

A. Chỉ tiêu 1: Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở

B. Chỉ tiêu 2: Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở

C. Chỉ tiêu 3: Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý

D. Cả 3 nội dung a, b, c

Đáp án D (Khoản 3, Điều 3, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg)

Câu 49: Theo Anh/Chị, quy định về tiêu chí tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội bao gồm bao nhiêu chỉ tiêu?

A. 3 chỉ tiêu

B. 4 chỉ tiêu

C. 6 chỉ tiêu

D. 2 chỉ tiêu

Đáp án B (Khoản 5, Điều 3, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg)

Câu 50: Tiêu chuẩn để huyện đạt chỉ tiêu 9.6 “*Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 với Chỉ tiêu “*Tỷ lệ báo cáo viên pháp luật cấp huyện được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật*” là bao nhiêu?

A. $\geq 60\%$

B. $\geq 70\%$

C. $\geq 80\%$

D. $\geq 90\%$

Đáp án C (Mục I, Phụ lục III, Quyết định số 1143/QĐ-BTP)